

*Phần 1:*

# NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

*Chương 1:*

## DOANH NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN TRONG KINH DOANH:

#### 1.1.1. Một số khái niệm về kinh doanh:

1. Kinh doanh là việc dùng công sức và tiền của để tổ chức các hoạt động nhằm mục đích kiếm lời trên thị trường.
2. Kinh doanh là bỏ ra một số vốn ban đầu vào hoạt động trên thị trường để thu lại một lượng vốn lớn hơn sau một khoảng thời gian nào đấy.
3. Kinh doanh là việc thực hiện một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc thực hiện nhiệm vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lãi (điều 3 - Luật Doanh nghiệp .1/1/00 ).

**Tóm lại:** Kinh doanh là các hoạt động nhằm mục đích sinh lãi của chủ thể kinh doanh trên thị trường.

#### 1.1.2. Các khái niệm về thị trường:

1. Thị trường là chỗ gặp nhau giữa người bán, người mua và các hàng hóa dịch vụ.
2. Thị trường là nơi mà những người hoặc tổ chức có nhu cầu cần được thỏa mãn, có tiền để chi tiêu và sẵn sàng chi tiêu số tiền đó.
3. Thị trường là biểu hiện thu gọn của quá trình mà thông qua đó, các quyết định của các gia đình về tiêu dùng các loại hàng hóa nào đó, các quyết định của công ty về sản xuất cái gì , sản xuất như thế nào, và các quyết định của công nhân về việc làm bao lâu, cho ai đều được dung hòa bằng sự điều chỉnh giá cả. Hay nói cách khác, đó là sự thỏa thuận mà thông qua đó sẽ chi phối việc phân bổ nguồn lực.
4. Thị trường là tập hợp các sự thỏa thuận mà thông qua đó giá cả sẽ chi phối việc phân bổ nguồn lực.
5. Thị trường: nói đơn giản đó là nơi mua, bán.

Kinh doanh gắn liền với thị trường, diễn ra trên thị trường và tuân theo các thông lệ quy định và quy luật của thị trường.

#### 1.1.3. Chủ thể kinh doanh:

Kinh doanh phải do một chủ thể thực hiện, có thể là tư nhân, các hộ gia đình hay doanh nghiệp có các đặc trưng sau :

- Có quyền sở hữu các yếu tố cần có của quá trình kinh doanh (vốn, tài sản, sức lao động).

- Tự do và chủ động trong kinh doanh.
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả cuối cùng của quá trình kinh doanh.

**Mục đích** chủ yếu của kinh doanh là sinh lợi, sự sinh lợi hợp pháp được nhà nước và thị trường hiện tại chấp nhận công khai.

## **1.2. KHÁI NIỆM VỀ DOANH NGHIỆP:**

### **1.2.1. Các quan điểm về doanh nghiệp :**

*Trong quá trình hình thành và phát triển kinh tế ở bất kỳ một quốc gia nào, doanh nghiệp cũng là một đơn vị cơ sở, một tế bào của cả nền kinh tế, là nơi trực tiếp tạo ra của cải vật chất cho xã hội, là nơi trực tiếp phối hợp các yếu tố sản xuất một cách hợp lý để tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ một cách có hiệu quả nhất.*

*Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và thông tin, các hình thức tổ chức doanh nghiệp ngày càng đa dạng, các loại sở hữu doanh nghiệp ngày càng phong phú.*

*Do đó nếu đứng trên các quan điểm khác nhau thì có các định nghĩa khác nhau về doanh nghiệp.*

- 1. Theo quan điểm của nhà tổ chức:** Doanh nghiệp là tổng thể các phương tiện, máy móc, thiết bị và con người được tổ chức lại nhằm đạt được một mục đích.
- 2. Theo quan điểm mục tiêu cơ bản cho mọi hoạt động của mọi doanh nghiệp là lợi nhuận:** Doanh nghiệp là một tổ chức sản xuất, thông qua đó, trong khuôn khổ một số tài sản nhất định người ta kết hợp nhiều yếu tố sản xuất khác nhau nhằm tạo ra sản phẩm và dịch vụ để bán trên thị trường nhằm thu về một khoản chênh lệch giữa giá thành và giá bán sản phẩm.
- 3. Theo quan điểm chức năng:** Doanh nghiệp là một đơn vị sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện một, hoặc một số, hoặc tất cả các công đoạn trong quá trình đầu tư từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, hoặc thực hiện các nhiệm vụ nhằm mục đích sinh lời.
- 4. Theo quan điểm lý thuyết hệ thống:** Doanh nghiệp là một bộ phận hợp thành trong hệ thống kinh tế, mỗi đơn vị trong hệ thống đó phải chịu sức tác động tương hỗ lẫn nhau, phải tuân thủ những điều kiện hoạt động mà nhà nước đặt ra cho hệ thống kinh tế đó nhằm phục vụ cho mục đích tiêu dùng của xã hội.

*Mỗi định nghĩa nêu trên đều được phát biểu dựa trên các quan điểm khác nhau, nếu tổng hợp các định nghĩa của các quan điểm khác nhau đó sẽ khái niệm toàn diện hơn về doanh nghiệp.*

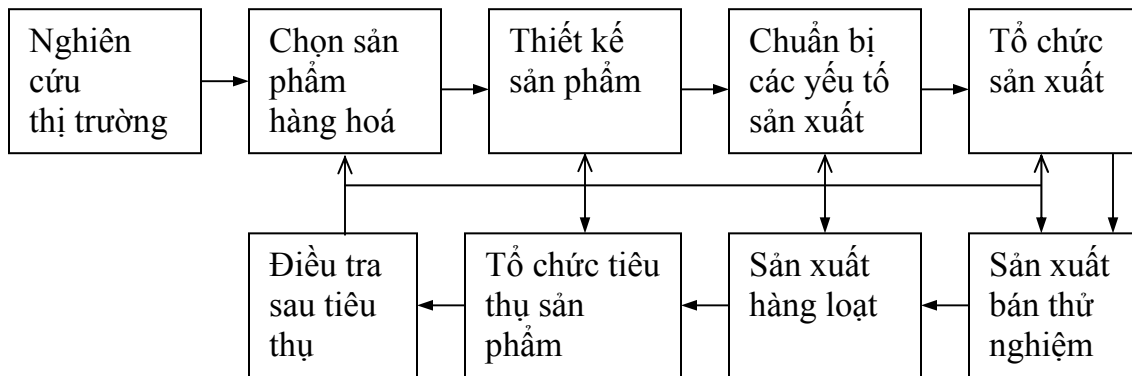
### **1.2.2. ĐỊNH NGHĨA DOANH NGHIỆP:**

- 1. Định nghĩa:** Doanh nghiệp là một đơn vị sản xuất kinh doanh được tổ chức nhằm tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trên thị trường, thông qua đó để tối đa hóa lợi nhuận, trên cơ sở tôn trọng pháp luật nhà nước và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

#### **2. Đặc điểm:**

Từ định nghĩa trên, có thể rút ra đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp như sau:

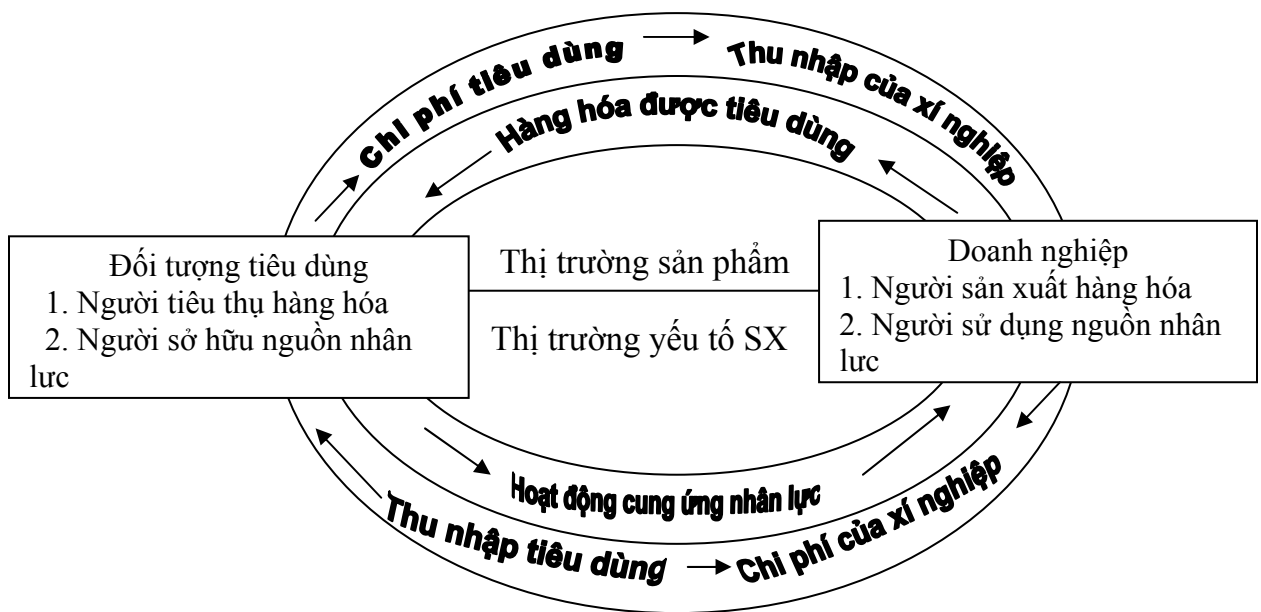
- a. **Chức năng sản xuất - kinh doanh** của doanh nghiệp là 2 chức năng **không thể tách rời nhau**, ngược lại chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau và tạo thành một chu trình khép kín trong hoạt động của doanh nghiệp, chu trình này được biểu diễn ở sơ đồ sau :



→ Hoạt động sau điều chỉnh: hoạt động này hình thành dựa vào kết quả điều tra sau tiêu thụ. Trong toàn bộ chu trình hoạt động trên, chức năng sản xuất là một giai đoạn trung gian trong suốt chu trình, các giai đoạn đầu và cuối của chu trình thuộc về chức năng lưu thông hay thuộc về lãnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

Căn cứ để tiến hành bất kỳ hoạt động SXKD nào của doanh nghiệp cũng chính là nhu cầu của thị trường, nói cách khác đó là nhu cầu của người tiêu dùng.

Mối quan hệ của người tiêu dùng và doanh nghiệp là mối quan hệ hai chiều rất chặt chẽ, đó là hai thành phần trong hệ thống kinh tế. Sự tác động qua lại của hai thành phần đó có thể biểu diễn qua chu trình hoạt động kinh tế sau :



Để tăng doanh thu tiêu thụ hàng hóa, mỗi doanh nghiệp phải tìm mọi cách để người tiêu dùng chấp nhận sản phẩm hàng hóa của mình, muốn vậy phải tạo ra khả năng tiêu dùng cao nhất cho người tiêu dùng khi sử dụng hàng hóa của họ so với hàng hóa của đơn vị

khác, thông qua đó doanh nghiệp mới có khả năng tăng lợi nhuận hoạt động của mình. Do đó việc đáp ứng, thỏa mãn cao nhất lợi ích tiêu dùng cho đối tượng tiêu dùng chỉ là phương tiện để doanh nghiệp đạt được mục đích của mình là tối đa hóa lợi nhuận.

- b. Tối đa hóa tiêu dùng là mục tiêu kinh tế cơ bản của doanh nghiệp**, tuy nhiên đi kèm mục tiêu kinh tế, hoạt động của doanh nghiệp còn hướng tới những mục tiêu xã hội nhất định.

**Ví dụ:** Tôn trọng việc bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo đảm và tạo công ăn việc làm cho người lao động, bảo đảm phục vụ các chính sách chủ trương phát triển kinh tế của Nhà Nước trong những giai đoạn kinh tế nhất định. Trong một số trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đáp ứng cho những nhu cầu phúc lợi công cộng của xã hội hoặc những ngành mà sản phẩm của nó quyết định sự cân đối chung của nền kinh tế thì mục tiêu xã hội đôi lúc được đặt nặng hơn, đồng thời Nhà Nước sẽ có những chính sách ưu đãi về tín dụng, về tài chính hay chế độ trợ giá ...

- c. Các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động phải chấp nhận sự cạnh tranh** để tồn tại và phát triển. Điều này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có chiến lược sản xuất kinh doanh thích ứng cũng như phải có công cụ, giải pháp phù hợp để thực hiện chiến lược đó.

### 1.3. CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP:

Có nhiều cách phân loại doanh nghiệp khác nhau, mỗi cách phân loại có tác dụng khác nhau phục vụ công tác quản lý, công tác thống kê. Nhưng cách phân loại phổ biến nhất là phân loại theo tính chất sở hữu tài sản của doanh nghiệp. Nếu phân theo tính chất sở hữu tài sản thì bao gồm các loại doanh nghiệp sau:

**1.3.1. Doanh nghiệp Nhà Nước:** là tổ chức kinh tế do Nhà Nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh, hoặc hoạt động công ích nhằm thực hiện mục tiêu kinh tế xã hội do nhà nước giao.

Doanh nghiệp Nhà Nước có tư cách pháp nhân có các quyền lợi và nghĩa vụ dân sự, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh trong phạm vi số vốn do doanh nghiệp quản lý. Loại hình doanh nghiệp Nhà Nước tồn tại trong bất kì Quốc Gia nào và nó hiện diện phổ biến trong những ngành trọng yếu của nền kinh tế, là những ngành tác động đến cân đối chung của Quốc Gia, đòi hỏi vốn đầu tư lớn.

**1.3.2. Doanh nghiệp tư nhân:** Tài sản của doanh nghiệp tư nhân thuộc sở hữu của một cá nhân duy nhất.

Việc quản lý và điều hành doanh nghiệp do người chủ sở hữu tài sản thực hiện hoặc họ có thể thuê người điều hành doanh nghiệp, người chủ doanh nghiệp tư nhân có trách nhiệm pháp lý vô hạn về các khoản nợ của doanh nghiệp, tức là họ phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

**1.3.3. Doanh nghiệp chung vốn – công ty:** Là loại hình doanh nghiệp mà các thành viên cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào công ty, như vậy trách nhiệm pháp lý của các thành viên trong công ty là trách nhiệm pháp lý hữu hạn trong phần vốn góp của mình.

Mỗi công ty muốn có đầy đủ tư cách pháp nhân phải thỏa mãn những điều kiện tối thiểu:

1. Phải có tài sản riêng và phải chịu trách nhiệm về tài sản của mình.
2. Phải có trụ sở và tên gọi riêng (đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền).
3. Phải có đầy đủ tư cách pháp lý để tham gia các quan hệ dân sự.
4. Phải được các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động theo luật công ty.

Hiện nay có hai loại hình công ty:

- a. **Công ty trách nhiệm hữu hạn:** Là công ty mà vốn góp của các thành viên phải đóng đủ ngay khi thành lập công ty, công ty không được phép phát hành bất kỳ một loại chứng khoán nào, việc chuyển nhượng vốn góp của các thành viên được tự do, nhưng nếu chuyển nhượng cho người ngoài thì phải được sự chấp nhất trí của nhóm thành viên đại diện cho ít nhất 3/4 vốn điều lệ của công ty.
- b. **Công ty cổ phần:** là loại công ty có số cổ đông tối thiểu phải là 7. Cổ phiếu của công ty có thể có ghi tên hoặc không ghi tên, và mỗi cổ đông có thể mua một hoặc nhiều cổ phiếu. Loại phiếu không ghi tên được tự do chuyển nhượng. Trong quá trình hoạt động nếu cần thiết mở rộng quy mô thì công ty cổ phần có quyền phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu.

Ưu điểm của công ty cổ phần:

- . Trách nhiệm pháp lý hữu hạn.
- . Công ty là một hình thức huy động vốn và tập trung vốn hữu hiệu.
- . Công ty càng phát triển với quy mô lớn, số lượng cổ đông càng nhiều, sự đa dạng hóa cổ đông càng cao thì việc chia sẻ rủi ro càng tốt.

❖ **Giá trị danh nghĩa (bề mặt) của chứng khoán (hay trái khoán) – per value or value:** Là con số mang tính hình thức xác định lượng tiền nguyên gốc ban đầu tối thiểu mà cổ đông đã trả cho chứng khoán đó.

**Có hai loại cổ phiếu:**

- **Cổ phiếu thường :** Các cổ phiếu có thể được phân hạng A, B...

**Cổ phiếu hạng A:** Để bán rộng rãi trong công chúng, được trả cổ tức nhưng không có quyền bầu cử, biểu quyết trong một thời gian nào đó.

**Cổ phiếu hạng B:** Cổ phiếu cho những người sáng lập, có quyền biểu quyết nhưng có thể không được trả cổ tức trong một khoảng thời gian nào đó.

- **Cổ phiếu ưu đãi (preference stock) :** Được trả cổ tức theo một tỷ lệ phần trăm nhất định và do đó nó luôn có một khoản lãi cố định (giống như với trái phiếu). Cổ phiếu ưu đãi là hình thức lai tạo giữa cổ phiếu và trái phiếu.

c. **Ngoài ra còn có hình thức chung vốn khác:**

- **Công ty hợp doanh:** theo hình thức này phải có ít nhất 2 cá nhân hoặc 2 đơn vị kinh doanh trở lên chung vốn với nhau để hình thành nên một doanh nghiệp. Việc quản lý điều hành doanh nghiệp sẽ được thỏa thuận giữa các bên chung vốn.

**Ưu:** Góp phần tăng quy mô của đơn vị sản xuất kinh doanh, tạo lợi thế trong cạnh tranh hoặc tranh thủ được bí quyết kỹ thuật, công nghệ của các bên chung vốn.

**Nhược:** Trách nhiệm pháp lý vô hạn của các bên góp vốn. Mỗi một bên chung vốn phải chịu trách nhiệm không có giới hạn, phải dùng cả tài sản riêng để thanh toán những món nợ của doanh nghiệp chung vốn. Khó khăn khi huy động thêm nguồn vốn, cũng như khi một bên tham gia chung vốn có ý định rút vốn của mình ra. Do đó loại hình doanh nghiệp này ít phổ biến.

Để khắc phục hạn chế này, một số doanh nghiệp được thành lập dưới dạng liên doanh, trong đó trách nhiệm của các bên tham gia góp vốn là hữu hạn theo phần vốn góp vào liên doanh của mình. Loại hình liên doanh này tỏ ra thích hợp ở những nơi, những Quốc gia có điều kiện thuận lợi về tài nguyên vật liệu, nhưng hạn chế về vốn và kỹ thuật sản xuất. Do đó, cần phải chung vốn với các đơn vị khác trong và ngoài nước.

- **Công ty dự phần:** Gần giống như các hình thức liên kết giữa các đơn vị kinh doanh để thực hiện từng hoạt động kinh doanh cụ thể, quyết toán và thanh toán riêng từng hoạt động kinh doanh.

Công ty dự phần không có tài sản riêng, không có trụ sở và thông thường hoạt động của nó dựa vào tư cách pháp nhân của một trong các thành viên. Công ty dự phần không có bảng tổng kết tài sản của công ty, nhưng phải lập bảng tổng kết tài sản của mọi hoạt động liên kết kinh tế và hạch toán chia lời lỗ.

**Ưu:** Phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh nhưng không quá tải trong quản lý và tranh thủ được vốn đầu tư từ bên ngoài. Có thể áp dụng hình thức công ty dự phần với các đối tác là một tổ chức hay cá nhân có vốn đầu tư và biết quản lý kinh doanh dựa trên quy mô lớn, nhỏ khác nhau để phát triển sản xuất.

**1.3.4. Hợp tác xã:** là một tổ chức kinh tế tự chủ do người lao động có nhu cầu, lợi ích chung tự nguyện đóng góp vốn đầu tư, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

**1.3.5. Khu chế xuất / Khu công nghiệp:** Khu chế xuất là một hình thức đầu tư nước ngoài xét về mặt giới hạn địa lý. Thường đó là các khu vực sản xuất cho phép sản xuất hàng hóa nước ngoài phục vụ cho xuất khẩu mà nhà đầu tư không phải đóng các loại thuế xuất khẩu khi hàng hóa, nguyên vật liệu nhập vào và tái xuất.

**Lợi ích của khu chế xuất :** được xem xét trên hai mặt:

1. **Phía công ty đầu tư vào khu chế xuất:** được ưu đãi về thuế quan, giảm chi phí sản xuất, ổn định thị trường đầu ra và đầu vào.
2. **Phía Nước chủ nhà mở khu chế xuất:** Thu hút đầu tư nước ngoài, tạo thu nhập cho ngân sách quốc gia, học tập kinh nghiệm quản lý – nhưng cần thận trọng trong quy chế quản lý khu chế xuất và lựa chọn các hình thức kinh doanh phù hợp cho khu chế xuất.

*Nhà nước quản lý các doanh nghiệp bằng pháp luật vừa tạo điều kiện pháp lý thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển tốt vừa hạn chế các tiêu cực có thể phát sinh, nhằm đảm bảo định hướng phát triển kinh tế lành mạnh, có hiệu quả. Vì vậy trong thời gian qua nhà nước ta đã ban hành nhiều đạo luật như:*

- + Luật doanh nghiệp tư nhân*
- + Luật công ty*
- + Luật doanh nghiệp nhà nước*
- + Luật hợp tác xã*
- + Luật phá sản doanh nghiệp...*

#### **1.4. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA DOANH NGHIỆP:**

##### **1.4.1. Nhiệm vụ của doanh nghiệp:**

- a. Nộp thuế cho nhà nước.
- b. Đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.
- c. Đảm bảo việc thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh cũng như quá trình phát triển sản xuất không gây tàn phá môi trường xã hội.
- d. Tôn trọng các chế độ báo cáo thống kê, tài chính, kế toán thống nhất theo các báo biểu và định kỳ quy định của Nhà Nước.
- e. Tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh các hợp đồng kinh tế đã ký kết với các đơn vị kinh tế khác.
- f. Đảm bảo các điều kiện làm việc, quyền lợi của người lao động.

##### **1.4.2. Quyền hạn của doanh nghiệp:**

Trên cơ sở tôn trọng pháp luật và chính sách kinh tế - xã hội do Nhà Nước quy định, các doanh nghiệp có các quyền hạn sau:

- a. Chủ động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:
  - Được quyền lựa chọn, thay đổi, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm thích ứng với yêu cầu của thị trường nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.
  - Được quyền xây dựng, hình thành và quyết định cơ cấu sản xuất thích hợp nhất, tự do lựa chọn các phương pháp tổ chức sản xuất.
  - Được quyền tự chủ trong hoạt động điều hành sản xuất tại doanh nghiệp.
  - Được quyền dự trữ, sử dụng, tổ chức phối hợp các yếu tố sản xuất phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của doanh nghiệp.
  - Chủ động trong việc cải tiến kỹ thuật, công nghệ sản xuất.
- b. Tự chủ trong lĩnh vực tài chính, cụ thể:
  - Chủ động xây dựng và hình thành các nguồn vốn dùng trong sản xuất kinh doanh.
  - Chủ động trong việc sử dụng, phân bổ các nguồn vốn theo các mục đích của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Toàn quyền quyết định các hình thức sử dụng số thu nhập còn lại sau khi nộp thuế.
- c. Tự chủ trong lĩnh vực sử dụng lao động trên cơ sở quy định của luật pháp.
- d. Tự chủ trong lĩnh vực quản lý, bao gồm các nội dung sau:
  - Chủ động lựa chọn hình thức, phương thức quản lý.
  - Xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý thích hợp với loại hình sản xuất của doanh nghiệp.
  - Chủ động tuyển dụng đào tạo, bố trí cán bộ quản lý.

## **1.5. DOANH NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:**

Doanh nghiệp là một cộng đồng, cộng đồng này không phải cô lập mà có quan hệ với môi trường xung quanh.

### **1.5.1. Tác động của môi trường tới doanh nghiệp :**

1. **Môi trường kinh tế:** Hiện trạng môi trường kinh tế vĩ mô quyết định sức mạnh và tiềm lực của nền kinh tế. Điều này sẽ có tác dụng đến khả năng tìm kiếm được lợi nhuận của công ty. Có 4 chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng là :

- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế:** Có ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ của những cơ hội và mối đe dọa mà công ty đang phải đối mặt. Tăng trưởng kinh tế cao đưa đến khả năng tiêu dùng cao hơn, vì thế mà giảm bớt áp lực cạnh tranh cho công ty. Ngược lại, tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp sẽ làm suy giảm việc tiêu dùng, tăng áp lực về cạnh tranh, đe dọa đến lợi nhuận của doanh nghiệp, điều này dẫn đến chiến tranh về giá giữa các doanh nghiệp.
- **Lãi suất:** mức độ về tỷ lệ lãi suất quyết định mức độ nhu cầu đối với các sản phẩm của doanh nghiệp, bởi vì nó sẽ là quan trọng trong trường hợp người tiêu dùng đi vay tiền để mua sản phẩm (ví dụ mua nhà, ô tô...). Thêm vào đó tỷ lệ lãi suất sẽ có ảnh hưởng tới chi phí vốn cho việc đầu tư của công ty, và chi phí này là một yếu tố quan trọng để quyết định xem chiến lược đầu tư có khả thi hay không (Dự báo lãi suất thấp: nên đầu tư và ngược lại).
- **Tỷ giá hối đoái:** Giá trị của đồng đô la ( nội tệ ) so sánh ( tương đối ) của đồng tiền các nước khác (đô la ). Nội tệ giá trị thấp : sản phẩm nhập khẩu sẽ đắt ( xuất khẩu sẽ lợi ). Nội tệ có giá trị cao : nhập khẩu sẽ có lợi.
- **Tỷ lệ lạm phát:** Lạm phát có thể gây mất ổn định nền kinh tế, đưa đến việc giảm tăng trưởng nền kinh tế.

2. **Môi trường chính trị, pháp luật:** Các quy định pháp luật về kinh tế có ảnh hưởng đến các giải pháp mang tính chiến lược của doanh nghiệp.

3. **Môi trường văn hóa, xã hội:** Thay đổi về văn hóa sẽ có tác động đến các cơ hội của doanh nghiệp. Ví dụ với trào lưu bảo vệ sức khỏe, sẽ tạo cơ hội cho các sản phẩm giảm cloride, giảm cholesterol, mở rộng thị trường nước khoáng hay ngược lại sẽ thu hẹp thị trường thuốc lá...



**4. Môi trường công nghệ:** Tiến bộ về công nghệ làm cho các sản phẩm đã có trở nên lạc hậu trong một thời gian hết sức ngắn và tạo cơ hội cho các sản phẩm mới. Tiến bộ công nghệ sẽ làm cho vòng đời của các sản phẩm ngắn lại. Ví dụ sự phát triển công nghệ điện tử từ các valve chân không (1920-1960), đến các transistor (1960-1979) và đến các bộ phận vi xử lý... (tốc độ xử lý tăng 150% trong vòng 18 tháng). Đồng thời các tiến bộ công nghệ cũng mang lại các công nghệ chế tạo mới với năng suất cao hơn, hoặc chi phí sản xuất thấp hơn.

**5. Xu hướng toàn cầu hóa.**

**6. Các vấn đề về môi trường sinh thái.**

**1.5.2. Tác động của doanh nghiệp tới môi trường:** Doanh nghiệp đóng góp sản phẩm cho xã hội, tạo công ăn việc làm, đóng thuế... đóng góp nâng cao mức sống cho xã hội.

## **1.6. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI:**

Đạo đức kinh doanh được hiểu là thái độ và cách ứng xử của công ty đối với nhân viên, khách hàng, với cộng đồng và với các cổ đông.

Hành vi đạo đức có chuẩn mực cao đòi hỏi doanh nghiệp phải cư xử với các thành viên theo cách thức có đạo đức và trung thực.

Cam kết về đạo đức kinh doanh được đo lường bằng khuynh hướng của doanh nghiệp và các nhân viên tuân theo pháp luật và luật lệ liên quan đến:

- Chất lượng và an toàn sản phẩm.
- Đối xử tốt với công nhân.
- Có các hoạt động bán hàng và marketing trung thực.
- Không sử dụng thông tin mật cho các mục đích cá nhân.
- Không có những hành vi tham nhũng và hối lộ.

Đạo đức kinh doanh có liên hệ tích cực với lợi nhuận của công ty trong thời gian dài hạn. Hành vi đạo đức giúp tăng lợi nhuận nhờ:

- Giảm các khoản tiền phạt và chi phí pháp luật.
- Xây dựng được lòng tin đối với dân chúng.
- Thu hút các khách hàng đánh giá cao hành vi đạo đức.
- Thu hút và giữ được các nhân viên giỏi.

## **1.7. XU THẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP HIỆN NAY:**

Trong điều kiện hiện nay, với xu thế phát triển mạnh mẽ việc tập trung hóa trong sản xuất, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thị trường ngày càng phát triển gay gắt, xác suất rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng cao, hoạt động của các doanh nghiệp công nghiệp đã xuất hiện những đặc trưng cơ bản sau:

**1. Sự hình thành những doanh nghiệp có quy mô ngày càng lớn (công ty lớn):**

Đây là kết quả của quá trình tập trung hóa trong công nghiệp, nhờ vào đó, với ưu thế về kỹ thuật, vốn sản xuất, các đơn vị này luôn có ưu thế lợi nhuận nhất định trong cạnh tranh. Các đơn vị này đã mở rộng phạm vi thị trường của mình từ trong nước sang thị trường khu vực, thậm chí thị trường thế giới (công ty xuyên quốc gia).

## **2. Sự đa dạng hóa cơ cấu sản xuất trong các doanh nghiệp:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà kinh doanh không chỉ dừng lại trong phạm vi của một ngành kinh tế - kỹ thuật chuyên môn hóa mà đã mở rộng ra nhiều ngành, điều này không chỉ xuất phát từ tập trung hóa giản đơn, mà nó còn chịu sự tác động của nhiều nguyên nhân khác nhau như: chia sẻ rủi ro trong kinh doanh, việc biến động nhanh chóng nhu cầu của thị trường theo sở thích, thị hiếu, việc tận dụng cơ sở vật chất, tiềm năng, uy tín nhãn hiệu, công ty, xí nghiệp nhằm tiết kiệm chi phí cơ bản, đẩy mạnh mãi lực tiêu thụ...

## **3. Sự gắn bó giữa nghiên cứu kỹ thuật với sản xuất:**

Sự gắn bó này cho phép giảm thời gian của chu kỳ đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, do đó vai trò của bộ phận nghiên cứu, triển khai kỹ thuật mới trong các doanh nghiệp ngày càng được mở rộng và nâng cao.

## **4. Sự phân ly mạnh mẽ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng tài sản trong doanh nghiệp:**

Ngoại trừ những doanh nghiệp tư nhân với quy mô nhỏ, người chủ sở hữu trực tiếp đứng ra quản lý, khi quy mô doanh nghiệp ngày càng lớn, một đội ngũ các nhà quản lý chuyên nghiệp (do nhu cầu của xã hội đã hình thành) có những kỹ năng quản lý, có nghiệp vụ cao sẽ được những chủ công ty thuê để làm công việc điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh, như vậy họ trở thành người sử dụng tài sản, họ phải chịu trách nhiệm trực tiếp với người chủ sở hữu tài sản về việc đảm bảo hiệu quả kinh tế trong việc sử dụng số tài sản mà người chủ sở hữu đã giao phó.

Do đặc điểm này, nên cần phải phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn giữa chủ sở hữu và người sử dụng tài sản thì hoạt động của doanh nghiệp mới tiến hành trôi chảy, cũng như phải giải quyết thỏa đáng mâu thuẫn về quyền lợi giữa hai bên.